

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ III NĂM 2025**

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2025

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KÝ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ III NĂM 2025	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ III NĂM 2025	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ III NĂM 2025	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ III NĂM 2025	5-21

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2025	NGÀY 01/01/2025
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		324.393.804.172	346.282.977.877
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	184.240.210.295	131.101.782.762
1 - Tiền	111		154.240.210.295	131.101.782.762
2 - Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	42.000.000.000	133.000.000.000
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		42.000.000.000	133.000.000.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.227.116.295	12.102.063.073
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22.179.905.384	4.257.433.594
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		869.331.624	1.845.667.936
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15.679.571.140	15.500.653.396
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(9.501.691.853)	(9.501.691.853)
IV - Hàng tồn kho	140		29.283.199.664	39.903.079.145
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	29.283.199.664	39.903.079.145
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		39.643.277.918	30.176.052.897
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.351.465.194	2.261.518.985
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.671.798.141	26.374.616.331
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	620.014.583	1.539.917.581
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		412.716.069.701	452.807.196.424
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		384.218.715.232	416.270.049.723
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	384.218.715.232	416.270.049.723
- Nguyên giá	222		1.207.978.322.915	1.208.747.500.070
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(823.759.607.683)	(792.477.450.347)
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(664.654.500)	(664.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	2.046.323.473	2.640.417.397
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(21.653.681.178)	(21.059.587.254)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	-	1.224.343.997
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.224.343.997
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.309.068	5.000.309.068
1 - Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.437.338	1.437.338
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.128.270)	(1.128.270)
VI - Tài sản dài hạn khác	260		21.450.721.928	27.672.076.239
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	21.450.721.928	27.672.076.239
2 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		737.109.873.873	799.090.174.301

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2025	NGÀY 01/01/2025
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		201.242.509.130	223.823.080.520
I - Nợ ngắn hạn	310		90.034.193.315	97.185.956.462
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	10.673.147.675	26.033.364.477
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	45.434.823	10.133.478.802
4 - Phải trả người lao động	314		5.270.775.710	19.757.398.188
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.939.719.616	4.692.676.756
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	3.160.411.622	777.524.935
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	30.894.373.705	4.141.984.468
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	20.905.357.144	20.905.357.144
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.144.973.020	10.744.171.692
II - Nợ dài hạn	330		111.208.315.815	126.637.124.058
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	1.223.000.000	900.000.000
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	109.753.124.998	125.432.142.856
11 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	232.190.817	304.981.202
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		535.867.364.743	575.267.093.781
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.22	535.867.364.743	575.267.093.781
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	339.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	339.999.600.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		204.806.906.724	169.907.385.045
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.939.141.981)	65.360.108.736
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.939.141.981)	65.360.108.736
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		737.109.873.873	799.090.174.301

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Bảo Ngọc



Trần Thị Thanh Hương




Dương Ngọc Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Quý III năm 2025

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	09 tháng 2025	09 tháng 2024
1	2	3	4	5	6	7
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	116.367.515.291	150.984.424.467	405.551.662.429	431.149.921.632
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	116.367.515.291	150.984.424.467	405.551.662.429	431.149.921.632
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	117.822.984.455	139.085.412.742	391.964.283.772	413.059.018.199
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(1.455.469.164)	11.899.011.725	13.587.378.657	18.090.903.433
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	2.831.725.884	1.024.630.112	9.296.864.171	11.894.865.217
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	2.790.709.701	8.973.362.273	8.139.726.037	9.235.328.030
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.192.771.502		6.759.804.508	
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	1.699.904.363	1.831.323.001	6.400.607.957	6.223.231.010
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	5.868.889.609	6.167.324.864	17.080.266.723	17.108.174.906
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		(8.983.246.953)	(4.048.368.301)	(8.736.357.889)	(2.580.965.296)
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	742	11.100.000	155.672.259	33.405.083.640
12 - Chi phí khác	32	VI.31	92.330.635	30.000.246	294.347.635	434.190.966
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(92.329.893)	(18.900.246)	(138.675.376)	32.970.892.674
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(9.075.576.846)	(4.067.268.547)	(8.875.033.265)	30.389.927.378
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	-		136.899.101	6.254.741.740
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35	-		(72.790.385)	653.897.445
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(9.075.576.846)	(4.067.268.547)	(8.939.141.981)	23.481.288.193
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					691
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hương

Nguyễn Bảo Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý III năm 2025

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		(8.875.033.265)	30.389.927.378
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		32.983.628.989	52.872.633.001
- Các khoản dự phòng	03			(52.160.400)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.485.091.633)	6.292.153.690
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.804.087.400)	(31.097.244.116)
- Chi phí lãi vay	06		6.759.804.508	
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.579.221.199	58.405.309.553
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.679.248.271)	(13.965.537.171)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.619.879.481	(3.497.601.985)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.481.780.135)	(8.731.716.393)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.131.408.102	4.042.786.869
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.799.825.380)	(13.878.198.611)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.176.843.841)	(7.505.444.909)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.000.000	8.100.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.699.809.729)	(2.820.552.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.466.998.574)	12.057.145.135
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.181.278.656)	(23.126.796.539)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		153.759.259	66.901.675.521
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(79.000.000.000)	(92.000.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		170.000.000.000	90.000.000.000
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			39.106.800
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.022.240.468	3.323.859.498
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		89.994.721.071	45.137.845.280
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
4 - Tiền trả gốc vay	34	VII	(15.679.017.858)	-
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(2.600.000.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(15.679.017.858)	(2.600.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		51.848.704.639	54.594.990.415
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		131.101.782.762	221.084.835.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.289.722.894	(6.253.083.050)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		184.240.210.295	269.426.742.541

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN
VINASHIP
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY III NĂM 2025

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu 51%; Công ty CP Container Việt Nam sở hữu 40,01%.

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2025, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2025, Công ty mẹ có tổng số cán bộ công nhân viên là 275 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý III năm 2025 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Đội tàu hàng khô Vinaship tính đến thời điểm hiện tại gồm 5 chiếc với tổng số tấn trọng tải là 100.016 DWT, tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất 28.189 DWT. Độ tuổi bình quân hơn 20 tuổi, trong đó có tàu Vinaship Sea và Vinaship Pearl lần lượt là 27 và 29 tuổi, tàu trẻ nhất 13 tuổi là tàu Vinaship Unity mới đầu tư cuối năm 2024. Đội tàu công ty vẫn chủ yếu khai thác trên tuyến Đông Bắc và Đông Nam Á với phương thức cho thuê chuyến kết hợp định hạn và mặt hàng chủ yếu vẫn là xi măng, clinker, gạo, phân bón.

Về mặt hàng gạo, trong quý III, thị trường Indonesia vẫn chưa thấy dấu hiệu nhập khẩu trở lại. Philippines đang tạm dừng nhập khẩu gạo trong 02 tháng kể từ ngày 01/09 nên Công ty phải chuyển 02 tàu Mỹ Hưng và Vinaship Gold sang khai thác mặt hàng có giá trị thấp và giá cước thấp hơn nhiều. Đối với nhóm tàu cũ 20.000-30.000 DWT gồm Vinaship Pearl, Vinaship Sea, thị trường chủ yếu vẫn là xi măng bịch Việt Nam xuất khẩu sang Philippines từ đầu năm đến nay khá ảm đạm về sản lượng và giá cước, hơn nữa vào quý III khu vực này bão gió, mưa nhiều khiến thời gian xếp dỡ hàng bị gián đoạn, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác của đội tàu. Tàu mới đầu tư Vinaship Unity do tình trạng kỹ thuật tốt hơn và tiêu hao nhiên liệu thấp hơn, có vùng hoạt động rộng hơn từ Bắc Á đến Vùng Vịnh, đem lại hiệu quả khả quan hơn các tàu cũ nhưng trong quý III hoàn toàn cho thuê định hạn nên doanh thu thấp hơn so với phương án khai thác chuyến.

Từ những nguyên nhân trên làm sụt giảm doanh thu của quý 3 so với quý trước và so với cùng kỳ. Việc thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, kết quả của hoạt động vận tải biển trong Quý III và 09 tháng năm 2025 chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- Kỳ kế toán quý III:** bắt đầu từ ngày 01/07 kết thúc vào ngày 30/09 của năm. Kỳ kế toán quý III năm 2025 bắt đầu từ ngày 01/07/2025 đến 30/09/2025.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng: Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2025	01/01/2025
1- Tiền		
- Tiền mặt	331.765.000	313.462.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	153.908.445.295	130.788.320.762
- Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
Cộng	184.240.210.295	131.101.782.762
2- Các khoản đầu tư tài chính		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.000.000.000	133.000.000.000
b1) Ngắn hạn	42.000.000.000	133.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	42.000.000.000	133.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.001.437.338	5.001.437.338
- Đầu tư góp vốn vào công ty con	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Góp vốn bằng tiền mặt	4.207.068.905	4.207.068.905
+ Góp vốn bằng tài sản cố định	620.639.567	620.639.567
+ Góp vốn bằng hàng tồn kho	172.291.528	172.291.528
- Đầu tư cổ phiếu	1.437.338	1.437.338
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/09/2025</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 86 CP	1.369.070	1.369.070
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 2 CP	68.268	68.268
Cộng	47.001.437.338	138.001.437.338
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
	30/09/2025	01/01/2025
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam : 86 CP	(1.128.270)	(1.128.270)
Cộng	(1.128.270)	(1.128.270)
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Fortem cement corporation	2.156.444.388	-
- Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	257.788.041	343.717.388
- Công ty CP TMVT XNK Thiên Phúc	3.523.885.776	-
- Cty TNHH Vận tải biển và DVHH Thiên Phúc	12.485.261.820	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	3.756.525.359	3.913.716.206
Cộng	22.179.905.384	4.257.433.594

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/09/2025	01/01/2025
- Tạm ứng	3.112.057.752	2.206.101.856
- Ký cược, ký quỹ	48.549.000	32.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	3.649.132.811	4.287.420.941
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm xã hội	-	111.726.500
- Lãi dự thu	1.105.353.429	1.477.265.756
- Các khoản phải thu khác	421.990.574	43.650.769
+ Phải thu khác	421.990.574	43.650.769
Cộng	15.679.571.140	15.500.653.396

5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	30/09/2025	01/01/2025
- CN Bạch Đằng - Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	90.761.500	90.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
Cộng	9.501.691.853	9.501.691.853

6- Hàng tồn kho	30/09/2025	01/01/2025
- Nguyên liệu, vật liệu	29.283.199.664	38.164.830.442
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	1.738.248.703
Cộng	29.283.199.664	39.903.079.145

7- Xây dựng cơ bản dở dang	30/09/2025	01/01/2025
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	957.343.997
+ TSCĐ đang mua sắm	-	267.000.000
Cộng	-	1.224.343.997

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng
Báo cáo tài chính Công ty mẹ
Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình 09 tháng năm 2025

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỀN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu kỳ		82.871.304.061	1.114.424.296.887	5.102.897.024	6.349.002.098	1.208.747.500.070
2. Số tăng trong kỳ		28.993.352	309.207.222	-	-	338.200.574
Trong đó:						
- Do mua sắm			309.207.222			309.207.222
- Đầu tư XDCB hoàn thành		28.993.352				28.993.352
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Số giảm trong kỳ		-	1.107.377.729	-	-	1.107.377.729
Trong đó:						
- Thanh lý, nhượng bán			1.107.377.729			1.107.377.729
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		82.900.297.413	1.113.626.126.380	5.102.897.024	6.349.002.098	1.207.978.322.915
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.404.646.756	616.180.379.217	60.431.830	216.281.662	619.861.739.465
- Chờ thanh lý						-
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1. Đầu kỳ		7.397.282.206	783.612.576.730	471.796.901	995.794.510	792.477.450.347
2. Tăng trong kỳ		2.380.249.395	28.249.733.668	613.638.504	1.145.913.498	32.389.535.065
- Khấu hao		2.380.249.395	28.249.733.668	613.638.504	1.145.913.498	32.389.535.065
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Giảm trong kỳ		-	1.107.377.729	-	-	1.107.377.729
- Thanh lý, nhượng bán			1.107.377.729			1.107.377.729
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		9.777.531.601	810.754.932.669	1.085.435.405	2.141.708.008	823.759.607.683
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		75.474.021.855	330.811.720.157	4.631.100.123	5.353.207.588	416.270.049.723
2. Cuối kỳ		73.122.765.812	302.871.193.711	4.017.461.619	4.207.294.090	384.218.715.232
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			272.938.572.856			272.938.572.856

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

9 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình 09 tháng năm 2025

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ				
1. Số dư đầu kỳ	-	-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	-	664.654.500	664.654.500
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
1. Đầu kỳ	-	-	664.654.500	664.654.500
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Khấu hao	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	-	664.654.500	664.654.500
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
1. Đầu kỳ	-	-	-	-
2. Cuối kỳ	-	-	-	-

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 09 tháng năm 2025 : Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư 09 tháng năm 2025:

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ				
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651	
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651	
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	18.432.082.235	21.059.587.254	
2. Số tăng trong kỳ	-	594.093.924	594.093.924	
- Do chuyển từ TSCĐ sang	-	594.093.924	594.093.924	
- Do trích khấu hao	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.627.505.019	19.026.176.159	21.653.681.178	
III - Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu kỳ	-	2.640.417.397	2.640.417.397	
4. Số dư cuối kỳ	-	2.046.323.473	2.046.323.473	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

12- Chi phí trả trước				
a) Ngắn hạn	30/09/2025			01/01/2025
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.320.609.362			2.198.968.985
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.855.832			62.550.000
Cộng	2.351.465.194			2.261.518.985
b) Dài hạn				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	19.919.305.471			25.668.724.065
- Chi phí trả trước trang thiết bị đồ dùng tòa nhà	1.280.426.527			1.829.180.746
- Chi phí trả trước dài hạn khác	250.989.930			174.171.428
Cộng	21.450.721.928			27.672.076.239
14- Vay và nợ thuê tài chính				
b) Vay dài hạn				
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	20.905.357.144			20.905.357.144
Trong đó:				
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải	20.905.357.144			20.905.357.144
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	109.753.124.998			125.432.142.856
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải	109.753.124.998			125.432.142.856
Cộng	130.658.482.142			146.337.500.000
15- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
	30/09/2025			01/01/2025
PT Indofuels Limited	-			8.521.857.720
Cty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng	2.327.240.400			-
Cty CP Xuất nhập khẩu Kim Việt	2.617.307.489			-
Cty CP Việt Đức	1.020.431.000			710.733.020
Cty CP đầu nhòm quốc tế Việt Mỹ	888.775.438			1.832.176.000
Công ty TNHH thương mại xăng dầu Thành Long	-			6.367.400.000
Công ty CP Xây dựng GM	-			3.512.784.658
Phải trả các đối tượng khác	3.819.393.348			5.088.413.079
Cộng	10.673.147.675			26.033.364.477
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
a) Phải nộp	30/09/2025	Số đã nộp	Số phải nộp	01/01/2025
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	152.122.208	152.122.208	-
- Thuế nhập khẩu	-	34.168.335	34.168.335	-
- Thuế TNDN	-	10.176.843.841	136.899.101	10.039.944.740
- Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	45.434.823	436.021.800	387.922.561	93.534.062
- Thuế nhà đất	-	2.240.784	2.240.784	-
Cộng	45.434.823	10.806.396.968	718.352.989	10.133.478.802

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

b) Phải thu	30/09/2025	Số đã nộp	Số phải nộp	01/01/2025
- Tiền thuê đất do được bù trừ	620.014.583	65.261.700	985.164.698	1.539.917.581
- Các khoản khác phải thu của Nhà nước	-	-	-	-
Cộng	620.014.583	65.261.700	985.164.698	1.539.917.581
17- Chi phí phải trả	30/09/2025			01/01/2025
a) Ngắn hạn				
- Trích trước chi phí lãi vay	116.339.744			156.360.616
- Trích trước chi phí XD CB lô đất TM8	-			231.481.481
- Chi phí phải trả khác	2.823.379.872			4.304.834.659
Cộng	2.939.719.616			4.692.676.756
18- Phải trả khác	30/09/2025			01/01/2025
Ngắn hạn				
- Công đoàn phí	58.070.380			108.134.073
- Kinh phí công đoàn	133.934.400			744.000
- Bảo hiểm y tế	-			55.640.320
- Bảo hiểm thất nghiệp	165.724.241			135.738.001
- Thuế TNCN	51.161.158			-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.353.500.000			24.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	20.907.351.000			507.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.477.584.453			1.471.921.383
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	747.048.073			1.838.431.691
Cộng	30.894.373.705			4.141.984.468
Dài hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.223.000.000			900.000.000
Cộng	1.223.000.000			900.000.000
19- Doanh thu chưa thực hiện	30/09/2025			01/01/2025
Ngắn hạn				
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	1.907.016.000			-
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	1.253.395.622			777.524.935
Cộng	3.160.411.622			777.524.935
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30/09/2025			01/01/2025
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-			-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	232.190.817			304.981.202

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

V22- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu:
a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 09 tháng năm 2025

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	145.900.399.266	169.142.507.518	515.042.906.784
Tăng trong năm trước				-
- Lãi năm 2024			65.360.108.736	65.360.108.736
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		133.722.357.597	(133.722.357.597)	-
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023		30.284.228.182	(35.420.149.921)	(5.135.921.739)
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần	139.999.600.000	(139.999.600.000)		-
Số dư cuối năm trước	339.999.600.000	169.907.385.045	65.360.108.736	575.267.093.781
Số dư đầu năm nay	339.999.600.000	169.907.385.045	65.360.108.736	575.267.093.781
- Lãi Quý I			67.615.694	67.615.694
- Lãi Quý II			68.819.171	68.819.171
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2024		34.899.521.679	(34.899.521.679)	-
- Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2024			(10.060.611.057)	(10.060.611.057)
- Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận 2024			(20.399.976.000)	(20.399.976.000)
- Lỗ Quý III			(9.075.576.846)	(9.075.576.846)
Số dư cuối ngày 30/09/2025	339.999.600.000	204.806.906.724	(8.939.141.981)	535.867.364.743

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

	30/09/2025	01/01/2025
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
- Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51% VDL	173.400.000.000	173.400.000.000
- Vốn góp của Công ty CP Container Việt Nam Viconship 40,01% VDL	136.032.400.000	136.032.400.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 8,99% VDL	30.567.200.000	30.567.200.000
Cộng	339.999.600.000	339.999.600.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
+ Vốn góp đầu năm	339.999.600.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	139.999.600.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	139.999.600.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	339.999.600.000	339.999.600.000
d) Cổ phiếu	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ	33.999.960	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	33.999.960	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	13.999.960
+ Cổ phiếu phổ thông	-	13.999.960
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	33.999.960	33.999.960
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 vnd/CP	10.000 vnd/CP
e) Các quỹ của doanh nghiệp	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Quỹ đầu tư phát triển		
+ Số dư quỹ đầu năm	169.907.385.045	145.900.399.266
+ Tăng trong kỳ	34.899.521.679	164.006.585.779
Do trích lập quỹ đầu tư phát triển từ phân phối lợi nhuận	34.899.521.679	164.006.585.779
Do trích lập quỹ đầu tư phát triển từ phân phối lợi nhuận	-	-
+ Giảm trong kỳ	-	139.999.600.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	139.999.600.000
+ Số dư quỹ cuối kỳ	204.806.906.724	169.907.385.045
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
+ Số dư quỹ đầu năm	10.744.171.692	12.275.788.770
+ Tăng trong kỳ	10.060.611.057	5.144.021.739
Thu nhập từ bán cổ phiếu VNA đầu tư từ quỹ phúc lợi	-	-
Do trích lập quỹ khen thưởng từ phân phối lợi nhuận	4.915.925.338	2.479.410.494
Do trích lập quỹ phúc lợi từ phân phối lợi nhuận năm	4.915.925.338	2.479.410.495
Do trích lập quỹ thưởng ban quản lý điều hành từ phân phối lợi nhuận năm	228.760.381	177.100.750
Được ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng khen thưởng	-	8.100.000
+ Giảm trong kỳ	4.659.809.729	2.820.552.218
+ Số dư quỹ cuối kỳ	16.144.973.020	14.599.258.291
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	30/09/2025	01/01/2025
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ	5.262.428.31	5.001.736.43
b) Nợ khó đòi đã xử lý	1.180.624.375	1.180.624.375
- Khách hàng Liana	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	405.551.662.429	431.149.921.632
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	283.134.614.452	326.771.319.911
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	106.765.003.833	91.057.098.738
+ Doanh thu cho thuê văn phòng và bất động sản đầu tư	6.334.846.806	3.815.257.081
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	522.876.592	563.952.246
+ Doanh thu bán hàng	8.794.320.746	8.942.293.656
	405.551.662.429	431.149.921.632
26- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (MS 10)		
	405.551.662.429	431.149.921.632
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	276.992.207.945	314.420.033.660
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	103.906.674.182	87.372.436.309
- Giá vốn cung cấp cho thuê bất động sản	1.912.698.715	1.971.346.056
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	363.639.163	397.551.082
- Giá vốn hàng bán	8.789.063.767	8.897.651.092
Cộng	391.964.283.772	413.059.018.199
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.650.328.141	2.325.096.485
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.161.444.397	9.569.768.732
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.485.091.633	-
Cộng	9.296.864.171	11.894.865.217
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Chi phí lãi vay	6.759.804.508	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.379.921.309	2.975.345.578
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	6.292.153.690
- Lỗ bán cổ phiếu VST	-	14.893.200
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	(47.160.400)
- Chi phí tài chính khác	220	95.962
Cộng	8.139.726.037	9.235.328.030
30- Thu nhập khác	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
-Thu nhập thanh lý TSCĐ	160.000.000	67.202.500.000
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(6.240.741)	(38.415.459.169)
- Thu nhập do được miễn nghĩa vụ phải trả khoản lãi phạt phải trả ngân hàng	-	4.532.735.541
- Các khoản khác	1.913.000	85.307.268
Cộng	155.672.259	33.405.083.640
31- Chi phí khác	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Các khoản khác	294.347.635	434.190.966
Cộng	294.347.635	434.190.966

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp09 tháng năm 202509 tháng năm 2024

a) Chi phí bán hàng	6.400.607.957	6.223.231.010
Hoa hồng phí	6.400.607.957	6.223.231.010
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.080.266.723	17.108.174.906
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.031.682.361	810.875.909
Chi phí nhân công	8.868.460.030	11.199.745.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.688.749.494	1.792.719.057
Thuế, phí, lệ phí	428.426.241	14.828.038
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	(5.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.452.728.372	1.198.395.433
Chi phí khác bằng tiền	1.610.220.225	2.096.610.879

Cộng23.480.874.68023.331.405.916**33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**09 tháng năm 202509 tháng năm 2024

33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.140.672.220	137.764.988.040
33.2- Chi phí nhân công	36.768.633.508	46.531.152.520
- Tiền lương	27.839.875.000	37.220.655.000
- BHXH	3.522.002.400	3.678.259.200
- Bảo hiểm y tế	397.448.640	402.969.600
- Bảo hiểm thất nghiệp	201.257.280	210.186.240
- Kinh phí công đoàn	402.514.560	420.372.480
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	4.405.535.628	4.598.710.000
33.3- Thuế, phí và lệ phí	894.523.973	899.455.173
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.983.628.989	52.872.633.001
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.810.275.558	182.645.148.236
33.6- Chi phí khác bằng tiền	4.320.111.734	6.784.396.053

Cộng404.917.845.982427.497.773.023**34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

136.899.101

6.254.741.740

35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

(72.790.385)

653.897.445

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ09 tháng năm 202509 tháng năm 2024

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	-
- Tiền thu từ đi vay	-	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	15.679.017.858	-
- Tiền trả nợ gốc vay	15.679.017.858	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý	2.625.618.518	2.210.132.834
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	88.000.000	60.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	39.000.000	86.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	718.669.399	636.088.358
Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT	72.000.000	24.000.000
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	39.000.000	50.000.000
Ông Vũ Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT	33.000.000	-
Ông Lê Quang Huy - Thành viên HĐQT	33.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	5.000.000	314.816.390
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	509.045.180	487.655.972
Ông Đoàn Minh Thân - Phó Tổng giám đốc	463.146.282	-
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	461.757.657	431.572.114
Bà Lã Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	72.000.000	50.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	35.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	24.000.000	35.000.000
Bà Đặng Thanh Tâm - Thành viên ban kiểm soát	27.000.000	-
Ông Chu Thế Nga - Thành viên ban kiểm soát	17.000.000	-
2. Giao dịch với các bên liên quan		
2.1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	30/09/2025	01/01/2025
Công ty con - Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship	-	-
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	257.788.041	343.717.388
2.2. Phải trả người bán ngắn hạn	30/09/2025	01/01/2025
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	-	90.810.500
2.3. Phải trả, phải nộp khác	30/09/2025	01/01/2025
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	10.404.000.000	-
Công ty CP Container Việt Nam	8.161.944.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	6.300.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	35.820.000	-
2.4. Doanh thu	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
Công ty con - Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship	18.000.000	76.756.230
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	668.373.783	616.358.058
2.5. Mua hàng hóa dịch vụ	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	1.610.740.000	1.672.635.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	1.562.950	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:

Các hoạt động	Quý III năm 2025	09 tháng năm 2025	Quý III năm 2024	09 tháng năm 2024
Vận tải biển				
- Doanh thu	83.983.272.063	283.134.614.452	106.557.125.610	326.771.319.911
- Chi phí	95.019.301.870	299.489.354.383	104.914.500.168	337.751.439.576
- Lợi nhuận	(11.036.029.807)	(16.354.739.931)	1.642.625.442	(10.980.119.665)
Vận tải biển thuê tàu ngoài				
- Doanh thu	29.117.693.403	106.765.003.833	38.291.656.000	91.057.098.738
- Chi phí	28.762.078.922	104.850.402.424	37.103.072.751	87.372.436.309
- Lợi nhuận	355.614.481	1.914.601.409	1.188.583.249	3.684.662.429
Hoạt động cho thuê văn phòng, bất động sản				
- Doanh thu	2.261.834.551	6.334.846.806	1.826.844.289	3.815.257.081
- Chi phí	601.948.515	1.952.698.715	863.175.123	1.971.346.056
- Lợi nhuận	1.659.886.036	4.382.148.091	963.669.166	1.843.911.025
Hoạt động dịch vụ khác				
- Doanh thu	226.244.892	522.876.592	196.287.613	563.952.246
- Chi phí	166.732.556	363.639.163	132.513.121	397.551.082
- Lợi nhuận	59.512.336	159.237.429	63.774.492	166.401.164
Hoạt động bán hàng				
- Doanh thu	778.470.382	8.794.320.746	4.112.510.955	8.942.293.656
- Chi phí	841.716.564	8.789.063.767	4.070.799.444	8.897.651.092
- Lợi nhuận	(63.246.182)	5.256.979	41.711.511	44.642.564
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	2.831.725.884	9.296.864.171	1.024.630.112	11.894.865.217
- Chi phí tài chính	2.790.709.701	8.139.726.037	8.973.362.273	9.235.328.030
- Lợi nhuận	41.016.183	1.157.138.134	(7.948.732.161)	2.659.537.187
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	742	155.672.259	11.100.000	33.405.083.640
- Chi phí hoạt động khác	92.330.635	294.347.635	30.000.246	434.190.966
- Lợi nhuận hoạt động khác	(92.329.893)	(138.675.376)	(18.900.246)	32.970.892.674

Người lập



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Đương Ngọc Tú